

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-ST

Ngày: 17-5-2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Mạnh Quyết

2. Ông Trần Văn Nhị

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2022/TLST-DS, ngày 17 tháng 01 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị B, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hồng X, sinh năm: 1960; địa chỉ: 102 KA ấp Vàm Kinh, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Thái Minh T, sinh năm 1974;

2.2 . Bà Trần Thị L, sinh năm: 1984;

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh Long An.

(bà X có mặt, ông T và bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị B (Út Ni) do bà Trần Thị Hồng X đại diện trình bày: Vào năm 2016 bà B có tổ chức 02 dây hụi như sau:

Dây 1: Hụi mở ngày 20/5/2016 (AL) giá 2.000.000đ, hụi 27 phần, 1 tháng khui 1 lần. Ông T và bà L tham gia 02 phần với tên vợ Út Tâm. Ngày 20/7/2016 (AL) ông T bà L bỏ phiếu số tiền 680.000đ hốt số tiền 34.680.000đ. Bà B giao ông T và bà L. Sau khi hốt ông bà không đóng lại hụi chết đồng thời không đóng phần hụi sống cho bà B. Nay hụi bể do các hụi viên không đóng cho bà B.

Dây 2: Hụi mở 10/9/2016 (AL) bà có làm chủ dây hụi 2.000.000đ, hụi 34 phần, 1 tháng khui 1 lần. Ông T bà L tham gia 01 phần, hốt ngày 10/11/2016 ở kỳ thứ 3 số tiền 40.200.000đ. Bà B đã giao hụi cho ông T bà L. Sau khi hốt hụi ông T bà L không đóng hụi chết. Hụi nay đã bể do hụi viên không đóng.

Ngày 24/8/2017, giữa bà B, ông T và bà L thỏa thuận cần trừ hụi chết và hụi sống thống nhất ông T và bà L còn nợ 31.180.000đ. Ông T hện mỗi tháng trả 2.000.000đ nhưng ông T bà L không thực hiện.

Nay bà B khởi kiện yêu cầu ông T bà L phải liên đới trả cho bà B 31.180.000đ và tiền lãi tính theo lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 24/8/2017 tới ngày xét xử. Tại giấy nhận nợ có ghi khoản tiền 10.000.000đ ông T mượn bà Duyên là việc riêng của ông T và bà D, không liên quan trong vụ án này. Bà B bỏ đi làm ăn xa từ tháng 8/2017 cho tới nay. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Thái Minh T trình bày ý kiến: Ông thừa nhận có việc chơi hụi như bà B (Út Ni) do bà X trình bày như trên. Ngày 24/8/2017, ông T ký giấy thiếu tiền hụi số tiền nợ bà B là 31.180.000đ, ông xin trả dần 2.000.000đ/tháng cho tới hết. Tuy nhiên, sau khi thỏa thuận thì bà B bỏ đi đâu nên ông không đóng được. Nay bà B khởi kiện thì ông đồng ý trả cho bà B 31.180.000đ, trả dần mỗi tháng 2.000.000đ vào ngày 30 tây hàng tháng cho tới khi hết nợ. Ông không đồng ý trả lãi do bà B trốn bỏ đi không có người gồm chứ không phải ông không đóng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trần Thị L không có ý kiến trình bày:

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn không có mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị B khởi kiện yêu cầu ông Thái Minh T và bà Trần Thị L trả số tiền hụi. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng

dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Ông Thái Minh T và bà Trần Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Vào năm 2016 bà B có tổ chức 02 dây hụi mở ngày 20/5/2016 (AL) giá 2.000.000đ, hụi 27 phần, một tháng khui 1 lần. Ông T và bà L tham gia 02 phần với tên vợ Út Tâm và dây hụi mở 10/9/2016 (AL) giá 2.000.000đ, hụi 34 phần, một tháng khui 1 lần. Ông T và bà L tham gia 01 phần. Ông T và bà L đã hốt 2 phần hụi sau đó không đóng lại hụi chết cho bà B. Ngày 24/8/2017, ông T ký giấy thiếu tiền hụi số tiền nợ bà B là 31.180.000đ, ông xin trả dần 2.000.000đ tháng cho tới hết. Tuy nhiên ông T và bà L không thực hiện là vi phạm thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án ông T thừa nhận còn nợ bà B số tiền 31.180.000đ, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ vào ngày 30 tây hàng tháng cho tới khi hết nợ. Do đó bà Lê Thị B khởi kiện và yêu cầu ông T và bà L liên đới trả nợ là có cơ sở được chấp nhận. Buộc ông T và bà L phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị B số tiền 31.180.000đ.

2.2. Việc xin trả dần của ông T không được bà B đồng ý, đồng thời pháp luật không quy định việc cho trả dần nên ông T và bà L phải có nghĩa vụ hoàn trả một lần số tiền còn nợ.

2.3. Về lãi suất: Bà B chỉ yêu cầu tính lãi 0.83% tháng từ ngày 24/8/2017 cho tới ngày xét xử là phù hợp được chấp nhận: Lãi được tính như sau: 31.180.000đ X 0.83%/tháng X 56 tháng 23 ngày = 14.690.500đ (đã làm tròn).

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Lê Thị B được chấp nhận nên ông Thái Minh T và bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà Lê Thị B theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27

Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B đối với ông Thái Minh T và bà Trần Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Buộc ông Thái Minh T và bà Trần Thị L phải liên đới trả cho bà Lê Thị B số tiền nợ hụi là 45.870.500 đồng trong đó tiền hụi là 31.180.000 đồng và tiền lãi là 14.690.500 đồng.

Kể từ ngày bà Lê Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, thì ông Thái Minh T và bà Trần Thị L phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thái Minh T và bà Trần Thị L phải liên đới chịu 2.293.500 (đã làm tròn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 1.430.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị B theo biên lai thu số 0002176 ngày 07/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Long An;
- THA, VKS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hương